

Bản án số: **200/2024/DS-ST**

Ngày: 23-04-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Bà Phan Thị Dòn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 538/2023/TLST-DS ngày 25/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2024/QĐST-DS ngày 27/03/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Tổng công ty Điện lực T.**

Địa chỉ: T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn T**, Chức vụ: Tổng giám đốc:

Đại diện bởi: **Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực T – Công ty Điện lực B**; Địa chỉ: T, ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Công T** - Chức vụ: Giám đốc (theo Giấy ủy quyền số 6306/UQ-EVNHCMC ngày 31/12/2023).

Ủy quyền lại cho: Bà **Trang Thụy Thanh X**, sinh năm 1976, địa chỉ: T, ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền số 141/GUQ-PCBC ngày 12 tháng 01 năm 2024) (Có mặt).

Bị đơn: Bà **Thái Thu H**, sinh năm 1964 (Vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2023, bản tự khai ngày 29/11/2023, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 15/01/2024, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 15/01/2024 và tại phiên tòa - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trang Thụy Thanh X trình bày:

Ngày 12/11/2006, Chi nhánh Tổng công ty Điện lực T - Công ty Điện lực B (sau đây gọi tắt là “*Công ty Điện lực B*”) đã ký Hợp đồng mua bán điện số 06/029458 với bà Thái Thu H, địa chỉ sử dụng điện: xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, mã khách hàng: PE15000143687.

Sau khi ký Hợp đồng mua bán điện, Công ty Điện lực Bình Chánh đã cung cấp điện cho bà Thái Thu H theo đúng nội dung Hợp đồng. Tuy nhiên, tiền điện sử dụng từ ngày 21/04/2021 đến ngày 21/06/2021, bà Thái Thu H đã không thanh toán tiền điện hàng tháng đầy đủ, đúng thời hạn. Tổng cộng số tiền bà Thái Thu H nợ Tổng công ty Điện lực T là 2.260.891 đồng (Hai triệu, hai trăm sáu mươi ngàn, tám trăm chín mươi một đồng), cụ thể như sau:

- Giấy báo tiền điện tháng 05/2021 (sử dụng điện từ ngày 21/04/2021 đến 21/05/2021) số tiền là 1.476.092 đồng.

- Giấy báo tiền điện tháng 06/2021 (sử dụng điện từ ngày 22/05/2021 đến 21/06/2021) số tiền là 784.799 đồng.

Tại Khoản 1, 2 Điều 23 Luật Điện lực 2004 sửa đổi, bổ sung 2012 có quy định: “*Bên mua điện phải thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền điện ghi trong hóa đơn cho bên bán điện theo biểu giá điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Tiền điện được thanh toán tại trụ sở, nơi ở của bên mua điện hoặc tại địa điểm thuận lợi do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện. Bên mua điện chậm trả tiền điện phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho bên bán điện*”. Đồng thời, cũng tại điểm a Khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực 2004 sửa đổi, bổ sung 2012 cũng có quy định: “*Khách hàng sử dụng điện có nghĩa vụ thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn trong hợp đồng mua bán điện cho bên bán*”.

Theo Khoản 4 Điều 1 Hợp đồng mua bán điện, các bên thỏa thuận hình thức và thời hạn thanh toán tiền điện như sau: “*Thời hạn thanh toán: 05 ngày kể từ ngày Bên A thông báo thanh toán lần đầu*”.

Nay Tổng công ty Điện lực T kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh buộc bà Thái Thu H thanh toán với tổng số tiền là 2.260.891 (hai triệu, hai trăm sáu mươi ngàn, tám trăm chín mươi một) đồng, yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà T đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tổng đạt, niêm yết tại địa chỉ số xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Thái Thu H vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa

xét xử mà không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu chứng cứ khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

1. Nguyên đơn Tổng công ty Điện lực T do bà Trang Thụy Thanh X làm đại diện theo ủy quyền yêu cầu Tòa án buộc bà Thái Thu H phải trả cho Tổng công ty Điện lực T tổng số tiền là 2.260.891 (hai triệu, hai trăm sáu mươi ngàn, tám trăm chín mươi mốt) đồng, yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Bị đơn bà Thái Thu H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Căn cứ kết quả xác minh nơi cư trú của Công an xã P ngày 12/12/2023 có nội dung: “Chị Thái Thu H, SN: 1964, có đăng ký HKTT và đang thực tế cư ngụ tại xã P, Bình Chánh...”, do đó bị đơn bà Thái Thu H có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. *Về sự vắng mặt của đương sự:*

Bị đơn bà Thái Thu H mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản sau: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Thái Thu H.

[3]. *Về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Ngày 12/11/2006, Chi nhánh Tổng công ty Điện lực T - Công ty Điện lực B (sau đây gọi tắt là “*Công ty Điện lực B*”) đã ký Hợp đồng mua bán điện số 06/029458 với bà Thái Thu H, địa chỉ sử dụng điện: xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, mã khách hàng: PE15000143687. Sau khi ký Hợp đồng mua bán điện, Công ty Điện lực Bình Chánh đã cung cấp điện cho bà Thái Thu H theo đúng nội dung Hợp đồng. Tuy nhiên, tiền điện sử dụng từ ngày 21/04/2021 đến ngày 21/06/2021, bà Thái Thu H đã không thanh toán tiền điện hàng tháng đầy đủ, đúng thời hạn. Tổng cộng số tiền bà Thái Thu H nợ Tổng công ty Điện lực T là 2.260.891 đồng (hai triệu, hai trăm sáu mươi ngàn, tám trăm chín mươi một) đồng.

Vì vậy, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Thái Thu H thanh toán với tổng số tiền là 2.260.891 (hai triệu, hai trăm sáu mươi ngàn, tám trăm chín mươi một) đồng, yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3.1]. Tổng công ty Điện lực T được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; mã số doanh nghiệp 0300951119, đăng ký lần đầu ngày 31/3/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 05/4/2023 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh chứng nhận.

Chi nhánh Tổng công ty Điện lực T - Công ty Điện lực B được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số 0300951119-022; đăng ký lần đầu, ngày 01/7/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 05/8/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh chứng nhận.

Như vậy, Chi nhánh Tổng công ty Điện lực T - Công ty Điện lực B có chức năng bán điện cho người tiêu dùng theo thỏa thuận.

[3.2]. Căn cứ vào Hợp đồng mua bán điện giữa Công ty điện lực B với bà Thái Thu H thì đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 117, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015, người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định pháp luật nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[3.3]. Căn cứ theo khoản 1 và khoản 2, Điều 23 của Luật Điện lực 2004 (sửa đổi, bổ sung 2012) có quy định: “*Bên mua điện phải thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền điện ghi trong hóa đơn cho bên bán điện theo biểu giá điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Tiền điện được thanh toán tại trụ sở, nơi ở của bên mua điện hoặc tại địa điểm thuận lợi do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện. Bên mua điện chậm trả tiền điện phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho bên bán điện*”. Đồng thời, cũng tại điểm a khoản 2 Điều 46 của Luật Điện lực 2004 (sửa đổi, bổ sung 2012) cũng có quy định: “*Khách hàng sử dụng điện có nghĩa vụ thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn trong hợp đồng mua bán điện cho bên bán*”.

[3.4]. Căn cứ theo khoản 2, Điều 4 của Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số hợp đồng: 06-029458, được ký ngày 12/11/2006 giữa Công ty Điện lực T - Điện lực B với bà Thái Thu H quy định như sau:

“1. *Bên mua điện thanh toán tiền điện cho Bên bán điện mỗi tháng một lần bằng tiền Việt Nam theo hình thức (dịch vụ thẻ ATM, chuyển tiền vào tài khoản của Bên bán điện, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt):*

Địa điểm thanh toán bằng tiền mặt. Tại nhà khách hàng hoặc tại các điểm thu của điện lực hoặc tại các điểm giao dịch của ngân hàng có dịch vụ thu tiền điện.

2. Thời hạn thanh toán 5 ngày kể từ ngày thông báo thu tiền điện lần đầu tiên.

Bên mua điện chậm trả tiền điện phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho Bên bán điện với lãi suất của số tiền chậm trả bằng mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà Bên bán điện có tài khoản ghi trong hợp đồng tại thời điểm thanh toán.”

[3.5]. Căn cứ theo khoản 6 Điều 7 của Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số hợp đồng: 06-029458, được ký ngày 12/11/2006 giữa Công ty Điện lực T - Điện lực B với bà Thái Thu H quy định như sau: “6. *Thanh toán tiền điện hàng tháng đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.*”

[3.6]. Căn cứ vào giấy báo tiền điện tháng 05/2021 (sử dụng điện từ ngày 21/04/2021 đến 21/05/2021) số tiền là 1.476.092 đồng; Giấy báo tiền điện tháng 06/2021 (sử dụng điện từ ngày 22/05/2021 đến 21/06/2021) số tiền là 784.799 đồng có cơ sở xác định bà Thái Thu H còn nợ số tiền điện là 2.260.891 đồng.

Kể từ ngày quá hạn thanh toán tiền điện ngày 21/06/2021, bà Thái Thu H không thanh toán thêm khoản tiền điện nào cho Tổng Công ty điện lực T nữa. Vậy nên, bà H đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt đã ký kết giữa hai bên, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty Điện lực T yêu cầu bà Thái Thu H phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ là 2.260.891 đồng (hai triệu, hai trăm sáu mươi ngàn, tám trăm chín mươi một) đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến hay yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không giao nộp cho Tòa án bất kỳ tài liệu chứng cứ nào. Điều này chứng tỏ bị đơn không có thiện chí trả nợ cho nguyên đơn, đồng thời cũng không có ý thức tôn trọng pháp luật. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án.

[5]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, đồng thời xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6]. Về án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn bà Thái Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117 và Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 23 và Điều 46 Luật Điện lực 2004 (sửa đổi, bổ sung 2012);

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Thái Thu H phải trả cho Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực T tổng số tiền là 2.260.891 (hai triệu, hai trăm sáu mươi ngàn, tám trăm chín mươi một) đồng.

Các đương sự thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Thái Thu H chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho nguyên đơn Tổng Công ty Điện lực T số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0020556 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự (4);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự cùng cấp (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền